

Bản án số: 522/2023/DS-PT

Ngày: 29/12/2023

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Bà Nguyễn Thị Trang Thư

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 414/2023/TLPT-DS ngày 16/11/2023 về việc “tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 517/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc A, sinh năm 1984; địa chỉ: Số H tổ D, Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Vũ T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Kim K; địa chỉ: H tổ D, KV7, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ; có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn bà Lê Ngọc A trình bày:** Do quen biết nhau nên bà đã chuyển vào tài khoản 4106 của ông T mở tại ngân hàng Á (A1) cho ông T mượn số tiền 6.500.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng) hai lần như sau:

Lần 1: 1.500.000.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn chuyển từ tài khoản 7746797 tại A1 của nguyên đơn đến tài khoản 4106 của bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T;

Lần 2: 5.000.000.000 đồng. Nguyên đơn nhờ bà Nguyễn Kim K chuyển cho ông T cũng với số tài khoản 4106 tại A1 với nội dung: Ngọc A cho mượn. Số tiền này, nguyên đơn chỉ cho ông T mượn tạm một tháng nhưng đến nay ông T vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn dù nguyên đơn có yêu cầu nhiều lần.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trần Vũ T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 6.500.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn rút lại yêu cầu phần tiền lãi.

** Bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T trình bày:*

Nguyên đơn yêu cầu ông trả tiền đã nhận ông có ý kiến như sau: Số tiền mượn trong tài khoản 4106 do ông đứng tên Ngọc A chuyển số tiền 6.500.000.000 đồng để cho ông mượn. Tuy nhiên, ông không vay mượn tiền mà tài khoản 4106 là do ông đứng tên có mở tài khoản tại ngân hàng TMCP Á, nhưng người sử dụng là bà Lê Ngọc A thao tác.

Trường hợp bà Lê Ngọc A muốn lấy tài sản là xe ô tô biển số 65A - 262.83, nhãn hiệu VINFAST, màu sơn: xanh; loại xe: ô tô con; số chỗ: 07, số máy 30003VF20SUV; số khung 2AXHLV004061 tên C và BDVH DIỆUHIỀN và tài khoản đang phong tỏa tại ngân hàng S – chi nhánh C1 cùng quyền sử dụng đất đang bị phong tỏa tọa lạc tại quận C, thành phố Cần Thơ ông đồng ý trả lại những tài sản này để xong vụ việc và không có nợ bà Lê Ngọc A gì khác nữa.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số 190/2023/DS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc A khởi kiện tranh chấp đòi tài sản với bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T như sau:

Về số nợ: Buộc bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T phải trả cho nguyên đơn bà Lê Ngọc A tổng số tiền nợ là 6.500.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng) là dứt nợ.

Về thời gian trả nợ và cách trả nợ: Các bên đương sự tự thỏa thuận nếu không thống nhất thực hiện được sẽ yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền.

Về lãi suất: Không tính lãi suất phát sinh trong quá trình vay nợ.

Kể từ khi Bản án - Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán nợ.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2023 “Về việc phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ”; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2023 “Về việc phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ” và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2023/QĐ-BPBD ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định Chương VIII của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền án phí dân sự sơ thẩm, và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T đã kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn yêu cầu phải có mặt nguyên đơn và hai người nguyên đơn đã giao tiền.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ mới. Bản án sơ thẩm tuyên là có cơ sở. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Do quen biết nhau nên bà A đã chuyển vào tài khoản 4106 của ông T mở tại ngân hàng Á (A1) cho ông T mượn số tiền 6.500.000.000 đồng. Phía bị đơn thừa nhận số tiền mượn trong tài khoản 4106 do ông đứng tên là do bà A chuyển. Tuy nhiên, ông không vay mượn tiền mà tài khoản 4106 là do ông đứng tên có mở tài khoản tại ngân hàng TMCP Á, nhưng người sử dụng là Lê Ngọc A thao tác. Trường hợp bà Lê Ngọc A muốn lấy tài sản là xe ô tô biển số 65A -262.83, nhãn hiệu VINFAST, màu sơn: xanh; loại xe: ô tô con; số chỗ: 07, số máy 30003VF20SUV; số khung 2AXHLV004061 tên C và BDVH DIỆUHIỀN và tài khoản đang phong tỏa tại ngân hàng S – chi nhánh C1 cùng quyền sử dụng đất đang bị phong tỏa tọa lạc

tại quận C, thành phố Cần Thơ ông đồng ý trả lại những tài sản này để xong vụ việc và không có nợ bà Lê Ngọc A gì khác nữa.

Qua xem xét Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn bà Lê Ngọc A có chuyển khoản tiền hai lần, lần 01 ngày 05-12 số tiền 1.500.000.000 đồng; lần 02, ngày 24-12 Nguyễn Kim K chuyển nội dung “##NGUYEN KIM KHANH ##NGOC ANH CHO MUON” đã chuyển cho bị đơn tổng số tiền là 6.500.000.000 đồng.

Các chứng cứ chứng minh là bảng sao kê giao dịch của ngân hàng TMCP Á (A1) từ ngày 01/10/2022 đến ngày 10/4/2023; Bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T cũng thừa nhận số tiền trên đã vào tài khoản, thao tác rút tiền bằng vân tay là do ông thực hiện nhưng tiền là bà Ngọc A sử dụng tiền ông không sử dụng, ông không đồng ý trả. Xét lời trình bày này của ông là không có căn cứ vì ông không chứng minh được việc mình rút tiền ra và giao lại cho bà A mà phía bà A chứng minh được số tiền đã chuyển vào tài khoản của ông. Do đó, lời trình bày của ông T là không có căn cứ.

Hơn nữa, tại văn bản trả lời công văn số 469/CV.TA , ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều ngân hàng TMCP Á Châu (A1) ngày 01/8/2023 gửi cho Tòa án xác thực “*Khách hàng Nguyễn Trần Vũ T có đăng ký xác thực giao dịch bằng vân tay khi thực hiện các giao dịch tại quầy; A1 cung cấp đính kèm liệt kê giao dịch tài khoản từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/12/2022 của khách hàng nêu trên*” tại bảng sao kê của A1 thể hiện nội dung “05-12 ##IB LE NGOC ANH CHO MUON 1,500,000,000,00; 24-12 ##NGUYEN KIM KHANH ##NGOC ANH CHO MUON ## NGUYEN TRAN VU TUAN#362509252#RTM## - 5,000,000,000,00”. Do bị đơn không chứng minh mình không nhận số tiền trên nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền trên là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xin hoãn phiên tòa để triệu tập thêm hai người làm chứng, chính hai người này đã nhận tiền của bị đơn là 6.500.000.000 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì cả phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị đơn không yêu cầu. Nếu có việc giao số tiền thì bị đơn có thể khởi kiện thành vụ kiện khác. Bản án sơ thẩm tuyên là phù hợp theo Điều 6; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 97 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 nên giữ nguyên.

[3] Do nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi. Bản án sơ thẩm tuyên nguyên đơn không kháng cáo. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu lãi suất là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn chịu theo quy định.

[6] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 166; Điều 357; Khoản 2 Điều 468; Điều 494 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc A khởi kiện tranh chấp đòi tài sản với bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T như sau:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T phải trả cho nguyên đơn bà Lê Ngọc A tổng số tiền nợ là 6.500.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Về thời gian trả nợ và cách trả nợ: Các bên đương sự tự thỏa thuận nếu không thống nhất thực hiện được sẽ yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền.

Về lãi suất: Không tính lãi suất phát sinh trong quá trình vay nợ.

Kể từ khi Bản án - Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán nợ.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2023 “Về việc phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ”; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCTT ngày 25/4/2023 “Về việc phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ” và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2023/QĐ-BPBD ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định Chương VIII của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T phải chịu 114.500.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001000, ngày 24/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Trần Vũ T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000076 ngày 11/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành tiền án phí phúc thẩm. Ông T đã nộp đủ.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND quận Ninh Kiều;
- Chi cục THADS quận Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải